

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HS-ST

Ngày: 23-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Dệt

Bà Nguyễn Thị Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2018/TLST - HS ngày 23 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu T, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1990; sinh và trú tại: Thôn T1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu T2 và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Đào Thị C (đã ly hôn năm 2018) và 1 con sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 28/2015/HSST ngày 27/8/2015 TAND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng phạt 2 năm 3 tháng tù về 2 tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Hủy hoại tài sản”. Ngày 23/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù;

Bị bắt tạm giữ từ ngày 04/12/2017 đến ngày 13/12/2017 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Ngô Xuân T3, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1990; sinh và trú tại: Thôn L 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà:

Ngô Thị N1, không xác định được cha; có vợ là Lê Thị H và 1 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2009 bị TAND thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù; chấp hành xong hình phạt tháng 8/2009. Ngày 13/4/2010 bị TAND thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng 18 tháng tù; chấp hành xong hình phạt tháng 4/2011.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 04/12/2017 đến ngày 07/12/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

* Bị hại: Lê Đình T4, sinh năm 1963 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

* Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Lê Văn H1, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm 9, xã N1, huyện T5, tỉnh Nghệ An.

2. Lê Trọng T6, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

3. Nguyễn Văn T4, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Làng C1, xã T5, huyện N2, tỉnh Thanh Hoá.

4. Nguyễn Phú K, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T5, xã H2, huyện N2, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/10/2017 do không có tiền tiêu xài Nguyễn Hữu T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đã chuẩn bị 01 vạm phá khóa và 01 cờ lê. Khoảng 15giờ cùng ngày, T đi xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại EXCITER màu trắng xanh BKS 37E1 - 191.75 đến nhà Ngô Xuân T3 rủ T3 đi trộm cắp tài sản. T3 đồng ý, cả hai đi theo hướng thị trấn N xuống ngã tư M sau đó đi dọc theo tuyến đường cao tốc Nghi Sơn - Sao Vàng. Khi đi qua cánh đồng thuộc thôn P, xã M thì phát hiện có một xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu bạc trắng đen BKS 36B3 - 232.47 của ông Lê Đình T4, sinh năm 1963 ở thôn P, xã M đang dừng ở lề đường còn ông T4 làm ở dưới ruộng. T dừng xe và giao cho T3 còn T đi lại xe của anh T4 dùng vạm phá khóa đã chuẩn bị sẵn mở khoá. Sau khi mở được khóa, T và T3 đi xe về theo hướng thị trấn N. Trên đường đi T dùng cờ lê đã chuẩn bị từ trước tháo hai gương chiếu hậu và biển kiểm soát ném xuống gầm cầu Chuối mới thuộc thị trấn N, sau đó đến nhà anh Lê Trọng T6 ở thôn L thị trấn N Cống để bán xe nhưng anh T6 không mua. T và T3 tiếp tục đi lên huyện N2 và N2 để tìm nơi tiêu thụ nhưng không bán được. Quá trình đi chiếc cờ lê đã bị rơi ở vị trí nào không xác định được. T đi

vào nhà em trai Nguyễn Phú K sinh năm 1990 ở thôn T5, xã H2, huyện N2 và nói với K “xe của bạn anh đi cùng lên đây để đi đám cưới nhưng hết xăng cho anh gửi một, hai ngày nữa anh lên lấy”. K đồng ý, sau đó T và T3 đi về. Hai ngày sau K gọi điện và nhắn tin cho T lên lấy xe, T bảo “bạn anh đi miền nam làm ăn cần tiền gấp nhờ K bán hộ”. K đồng ý và hỏi giá bao nhiêu đồng thời hỏi giấy tờ và biển số xe. T trả lời giá bán 4.000.000đ và bảo “xe bạn anh mua trong niềm nam mất hết giấy tờ rồi”. Được mấy ngày sau K điện cho T và nói “bán được 3.500.000đ anh lên mà lấy tiền”. T đi lên nhà K lấy tiền về cùng với T3 tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 04/12/2017 nhận thức được hành vi phạm tội của mình Nguyễn Hữu T và Ngô Xuân T3 đã đến Công an huyện Nông Cống xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bị hại báo cáo: Khoảng 16 giờ ngày 17/10/2017 anh có đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu bạc trắng đen BKS 36B3 - 232.47 đến cánh đồng thôn P, xã M để thả lưới bắt cá. Anh dựng xe trên đường và xuống thả lưới, được một lúc sau thì thấy có hai thanh niên lấy chiếc xe của anh chạy về hướng xã Minh Khôi, anh hô hoán nhưng lúc này vắng người nên không có ai biết. Chiếc xe anh mua cho gái từ năm 2013 với giá 18.300.000đ. Hiện anh đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường sửa chữa, thay thế gương chiếu hậu và ổ khoá, nay anh không yêu cầu gì.

Nguyễn Phú K báo cáo: Khoảng 18 giờ ngày 17/10/2017 khi anh đang ở nhà có Nguyễn Hữu T (con nhà bác) đi cùng với một người thanh niên vào nhà chơi. T nói “bạn anh đi đám cưới trên này nhưng xe gần hết xăng không đủ đi về, mi cho anh gửi mai hoặc bữa kia anh lên lấy”. K đồng ý cho T gửi xe, sau đó cả hai người ra về. Ít ngày sau K gọi điện cho T lên lấy xe. T không lên lấy mà nhờ K bán xe. K đồng ý và đã bán cho Nguyễn Văn T4 thôn C1, xã T5, huyện N2 với giá 3.500.000đ. Sau khi bán được xe K gọi điện cho T lên lấy tiền, T cho lại K 500.000đ nhưng K không nhận. K không biết chiếc xe trên là do T trộm cắp mà có nên cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống không đủ căn cứ để xử lý K.

Nguyễn Văn T4 báo cáo: Ngày 23/10/2017 anh có đến nhà Nguyễn Phú K chơi, thấy có 01 chiếc xe mô tô để trong nhà, K nói với T4 “xe của ông anh ở huyện N đi lên đây chơi hết xăng nên gửi lại, giờ muốn bán”. T4 hỏi giá bao nhiêu, K nói “4.000.000đ”. T4 hỏi giấy tờ, K nói “xe ông ấy làm mất giấy tờ rồi”. T4 trả giá 3.500.000đ, K đồng ý bán. Ngày 06/12/2017 K gọi điện báo cho biết chiếc xe T4 mua là xe trộm cắp nên đã mang xe xuống Công an huyện Nông Cống để giao nộp. Anh không biết chiếc xe trên là do trộm cắp mà có nên cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống không có căn cứ để xử lý.

Đối với số tiền 3.500.000đ T4 đã đưa cho K để mua xe. Nay anh không yêu cầu K phải hoàn lại.

Chiếc xe T dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản: Vào cuối tháng 10/2017 T đi xe đến nhà Lê Trọng T6 ở L, thị trấn N hỏi vay 9.000.000đ. Do không tin tưởng nên T6 có hỏi T “có gì để làm tin không”. T nói để lại chiếc xe EXCITER khi nào có tiền trả thì lấy xe về nên anh đã đồng ý cho T vay tiền. Nay anh được Công an huyện Nông Cống mời lên làm việc mới biết chiếc xe trên T đã sử dụng vào việc đi trộm cắp tài sản nên anh đã tự nguyện giao nộp cho Công an huyện Nông Cống. Số tiền 9.000.000đ T đang vay, anh không yêu cầu T phải trả lại cho anh.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của anh Lê Văn T ở xã S, huyện T5, tỉnh Nghệ An. Anh cho biết giữa anh và T cùng làm việc tại một công ty ở tỉnh Bình Dương. Vào khoảng tháng 9/2017 T về Thanh Hoá và có hỏi mượn xe để đi chơi nên anh có gọi điện về cho bố anh là ông Lê Văn H1 nói: “bạn con tên T ở N, Thanh Hoá đang trên đường về lúc nào qua nhà mình bố cho T mượn xe của con, tết về con vào lấy”. Một ngày sau, T vào nhà ông H1, ông đã giao xe và chìa khoá xe cho T sử dụng còn đăng ký xe ông giữ lại. Hiện nay anh đang trong Bình Dương nên không về để tham gia tố tụng được nên anh uỷ quyền cho bố là ông Lê Văn H1 tham gia vào quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Nay ông Hội được anh Lê Văn T uỷ quyền nhận lại chiếc xe trên và không yêu cầu gì thêm.

Đối với biển kiểm soát và hai gương chiếu hậu của xe mô tô theo T khai đã ném xuống khu vực gầm cầu Chuôi mới thuộc thị trấn N. Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 108/HĐĐGTS ngày 15/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu bạc trắng đen BKS 36B3 - 232.47 đã qua sử dụng có giá 11.000.000đ (Mười một triệu đồng)

Về vật chứng:

- 01 thanh kim loại hình chữ L được mài nhọn và bẻ ở phần đầu dài, phần ngắn nguyên vẹn có kích thước 12cm - 3,5 cm. Vật chứng đã được Công an huyện Nông Cống chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống ngày 23/4/2018.

Cáo trạng số 27/CTr-VKSNC ngày 23/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu T và Ngô Xuân T3 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của phạm tội mình, xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại: Đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì. Về phần hình phạt đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 (đối với cả 2 bị cáo); điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS (đối với bị cáo T) đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo T từ 18 tháng đến 24 tháng tù; T3 từ 6 tháng đến 9 tháng tù, được trừ 3 ngày tạm giữ. Miễn hình phạt bổ sung cho cả 2 bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì. Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là HSST). Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo T3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, VKSND huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai quá trình điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng vụ án. Như vậy, đủ cơ sở chứng minh:

Ngày 17/10/2017 tại cánh đồng thuộc khu vực thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Hữu T và Ngô Xuân T3 đã có hành vi lén lút trộm cắp một xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu bạc trắng đen BKS 36B3 - 232.47 của ông Lê Đình T4, ở thôn P, xã M, bán được 3.500.000đ lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Giá trị tài sản trộm cắp đã được Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống định giá 11.000.000đ thuộc định lượng quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Như vậy, cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an địa bàn gây tâm lý hoang mang cho nhân dân. Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Vì vậy, cần xử lý nghiêm tương xứng với hành vi vi phạm của các bị cáo để trừng trị, cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt và răn đe, giáo dục, ngừa chung.

[4] Xét vai trò đồng phạm thì thấy: Đây là đồng phạm giản đơn có thông mưu trước. T là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực, xếp vai trò thứ nhất; T3 là người thực hành tích cực xếp vai trò thứ hai.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo T có 01 tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS; bị cáo T3 không có tình tiết tăng nặng nhưng thuộc trường hợp người có nhân thân xấu đã 02 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản. Cả hai bị cáo đều có chung tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Đối với bị cáo T3, trước khi phạm tội lần này bị cáo bị tai nạn mất 1 chân nên cần lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước.

[6] Về nghĩa vụ thi hành số tiền án phí 50.000đ của bị cáo T3: Qua điều tra, xác minh ở Chi cục THADS huyện Nông Cống thể hiện không nhận được quyết định ủy thác. Đây là thiếu sót của cơ quan Nhà, do đó áp dụng nguyên tắc có lợi cho người bị kết án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù và cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian với môi trường giáo dục, cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam mới đủ để giáo dục các bị cáo thành người tốt và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét lượng giảm cho các bị cáo một phần thể hiện tính khoan hồng trong chính sách hình sự của Nhà nước. Thời gian tạm giữ của bị cáo Tuấn được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo T3 thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí HSST, bị cáo T không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí HSST

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Ngô Xuân T3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 BLHS:

- Xử phạt Nguyễn Hữu T 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày tạm giữ 04/12/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 BLHS:

- Xử phạt Ngô Xuân T3 06 (Sáu) tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ. Hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết: Buộc bị cáo T phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST. Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo T3.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKS huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. TT13

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Tình